

HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT TRỌNG TÀI TRONG BỐI CẢNH ĐỔI MỚI QUẢN TRỊ QUỐC GIA Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

ĐÀO LỘC BÌNH*

Tóm tắt: Pháp luật trọng tài phát triển mạnh mẽ, mang tính quốc tế cao và là phương thức giải quyết tranh chấp được sử dụng phổ biến trên thế giới. Trong bối cảnh đổi mới quản trị quốc gia, những yêu cầu mới đang được đặt ra đối với sự phát triển của pháp luật trọng tài. Bài viết khái quát sự phát triển của pháp luật trọng tài thương mại Việt Nam hiện nay; phân tích những vấn đề đặt ra trước yêu cầu của quá trình đổi mới quản trị quốc gia nhằm phục vụ cho sự phát triển kinh tế và hội nhập quốc tế, từ đó đưa ra một số đề xuất, kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật trọng tài Việt Nam phù hợp với quá trình đổi mới quản trị quốc gia.

Từ khóa: Pháp luật trọng tài; trọng tài thương mại; đổi mới; quản trị quốc gia

Ngày nhận bài: 04/9/2024; Biên tập xong: 13/9/2024; Duyệt đăng: 20/9/2024

COMPLETING THE ARBITRATION LAW WITHIN THE NATIONAL GOVERNANCE INNOVATION IN VIETNAM TODAY

Abstract: As a method of dispute resolution commonly used around the world, arbitration law has developed strongly with high globalization. In the context of national governance innovation, new requirements are being made on the development of arbitration law. This article summarizes the current development of Vietnam's commercial arbitration law, analyzes the issues raised by the requirements of the national governance innovation process to serve economic development and international integration, thereby making a number of proposals and recommendations to improve Vietnam's arbitration law in accordance with the national governance innovation process.

Keywords: Arbitration law; commercial arbitration; innovation; national governance

Received: Sep 04th, 2024; **Editing completed:** Sep 13th, 2024; **Accepted for publication:** Sep 20th, 2024

1. Khái quát thực trạng pháp luật trọng tài Việt Nam - Những vấn đề đặt ra

Luật trọng tài hiện hành của Việt Nam là Luật Trọng tài thương mại (TTTM) số 54/2010/QH12 được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2010 (có hiệu lực thi hành từ 01/01/2011) với nhiều tiến bộ và có sự tương thích hơn với pháp luật trọng tài quốc tế. Do đó, đã khắc phục được những bất cập của Pháp lệnh TTTM năm 2003, tiếp thu các tiêu chuẩn và thực tiễn pháp luật trọng tài quốc tế, thúc đẩy sự phát triển của các Trung tâm trọng tài Việt Nam và đội ngũ Trọng tài viên, tạo điều kiện để trọng tài trở thành một phương thức giải quyết tranh chấp hiệu quả.

Tính đến trước thời điểm ban hành Luật TTTM năm 2010, toàn quốc có 07 Trung tâm trọng tài với 165 Trọng tài viên (không có Trọng tài viên là người nước ngoài). Đến nay (tính đến ngày 30/6/2024 theo Bộ Tư pháp), cả

nước đã có 47 Trung tâm trọng tài và 01 Văn phòng đại diện của Ủy ban Trọng tài thương mại Hàn Quốc với khoảng 750 Trọng tài viên (trong đó có nhiều Trọng tài viên là người nước ngoài)¹. Việc Luật TTTM năm 2010 quy định mở rộng đối tượng cho phép người nước ngoài làm Trọng tài viên tại các Trung tâm trọng tài Việt Nam là bước đột phá của pháp luật trọng tài. Điều này không chỉ đảm bảo tốt hơn quyền tự do lựa chọn cơ quan tài phán của các bên tranh chấp mà còn tăng tính cạnh tranh cho hoạt động trọng tài, đồng thời giúp Trọng tài viên Việt Nam nâng cao trình độ trong quá trình hội nhập và thúc đẩy sự phát triển của Trọng tài Việt Nam.

*Email: Locbinhv4@gmail.com

Thạc sĩ, Nghiên cứu sinh, Học viện Chính trị khu vực IV - Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

¹ Hội luật gia Việt Nam (2022), Dự thảo Báo cáo rà soát Luật Trọng tài thương mại, <https://http.moj.gov.vn/qt/Pages/trong-tai-tm.aspx>.

Trải qua gần 15 năm tồn tại, Luật TTTM là khuôn khổ pháp lý quan trọng trong việc phát triển trọng tài. Thực tế, từ khi Luật TTTM ra đời, các Trung tâm trọng tài đã có sự phát triển mạnh mẽ về số lượng nên doanh nghiệp có nhiều lựa chọn hơn, số vụ tranh chấp được giải quyết thông qua trọng tài ngày càng tăng lên hơn so với trước đây, số lượng Trọng tài viên cũng phát triển nhanh chóng, nhiều Trọng tài viên có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm trong các lĩnh vực hội nhập quốc tế như bảo hiểm, thương mại quốc tế, đầu tư quốc tế... và khả năng sử dụng thành thạo ngoại ngữ nên tăng khả năng lựa chọn cho các bên trong tranh chấp, nhất là đối với các tranh chấp quốc tế. Cùng với đó, đã có sự gia tăng về chất lượng của hoạt động trọng tài cũng như chất lượng các phán quyết trọng tài ngày càng được nâng cao, doanh nghiệp ngày càng tin tưởng hệ thống trọng tài của Việt Nam.

Tuy nhiên, trong quá trình thực thi, Luật TTTM năm 2010 vẫn còn bộc lộ nhiều hạn chế, bất cập, chưa phù hợp với thực tiễn, trở thành rào cản cho sự phát triển của trọng tài. Cụ thể, quy định về thẩm quyền của trọng tài mặc dù xác định cả “các tranh chấp khác” mà pháp luật quy định được giải quyết bằng trọng tài², tuy nhiên đây chỉ là quy định mang tính “tùy nghi”, còn thẩm quyền chính vẫn là giải quyết tranh chấp giữa các bên phát sinh từ hoạt động thương mại hoặc tranh chấp phát sinh ít nhất một bên có hoạt động thương mại. Trong khi đó, thực tế nhiều văn bản quy phạm pháp luật khác được xây dựng, sửa đổi, bổ sung trong thời gian sau này như: Luật Xây dựng năm 2014 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) quy định về giải quyết tranh chấp hợp đồng xây dựng bằng trọng tài³; Bộ luật Dân sự năm 2015 đã có quy định mở rộng khả năng giải quyết tranh chấp dân sự bằng trọng tài⁴ nhưng Luật TTTM lại chưa có quy định. Tương tự, Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2023⁵; Luật Sở

hữu trí tuệ (hợp nhất) năm 2019⁶, Luật Chứng khoán năm 2019⁷, Luật Đầu tư năm 2020⁸ và Luật Bảo vệ môi trường năm 2020⁹ đều có quy định tranh chấp phát sinh trong các lĩnh vực này được giải quyết bằng trọng tài là một trong các phương thức chính...

Bên cạnh đó, Luật TTTM vẫn còn một số quy định chưa tương thích với pháp luật quốc tế, chẳng hạn như theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 68, phán quyết trọng tài bị hủy nếu “*chứng cứ do các bên cung cấp mà Hội đồng trọng tài căn cứ vào đó để ra phán quyết là giả mạo...*”¹⁰ và quy định tại khoản 4 Điều 72: “*Khi xét đơn yêu cầu, Hội đồng xét đơn yêu cầu căn cứ vào các quy định tại Điều 68 của Luật này và các tài liệu kèm theo để xem xét, quyết định; không xét xử lại nội dung vụ tranh chấp mà Hội đồng trọng tài đã giải quyết...*”, theo đó, quá trình xem xét lại chứng cứ để đánh giá chứng cứ đó là giả mạo hay không chính xác là xem xét lại nội dung tranh chấp. Như vậy, quy định tại điểm d khoản 2 Điều 68 và quy định tại khoản 4 Điều 72 có mâu thuẫn với nhau, trong khi đó Luật Mẫu về trọng tài thương mại quốc tế của Ủy ban Liên hợp quốc về luật thương mại quốc tế (UNCITRAL)¹¹ và luật trọng tài của nhiều nước khác như Anh, Singapore, Trung Quốc... cũng không đưa trường hợp chứng cứ do các bên cung cấp mà Hội đồng trọng tài căn cứ vào đó để ra phán quyết là giả mạo, làm căn cứ để hủy phán quyết trọng tài. Hay còn quy định chưa rõ ràng nên dẫn tới tranh cãi làm ảnh hưởng tiêu cực tới hoạt động trọng tài như quy định phán quyết trọng tài bị hủy nếu “*Phán quyết trọng tài trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam*”¹². Nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐTP ngày 20/3/2014 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn thi hành một số quy định Luật TTTM (Nghị quyết số 01/2014/NQ-

tiêu dùng năm 2023.

⁶ Điểm d khoản 1 Điều 198 Luật Sở hữu trí tuệ (hợp nhất) năm 2019.

⁷ Điều 133 Luật Chứng khoán năm 2019.

⁸ Khoản 1 Điều 14 Luật Đầu tư năm 2020.

⁹ Khoản 1 Điều 133 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

¹⁰ Điểm d khoản 2 Điều 68 Luật TTTM năm 2010.

¹¹ Khoản 2 Điều 34 Luật Mẫu UNCITRAL.

¹² Điểm d khoản 2 Điều 68 Luật TTTM năm 2010.

² Khoản 3 Điều 2 Luật TTTM năm 2010.

³ Điểm b khoản 8 Điều 146 Luật Xây dựng năm 2014 (sửa đổi, bổ sung năm 2020).

⁴ Khoản 1 Điều 14 Bộ luật Dân sự năm 2015.

⁵ Điểm c khoản 1 Điều 54 Luật Bảo vệ quyền lợi người

HĐTP) quy định: “*Phán quyết trọng tài trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam là phán quyết vi phạm các nguyên tắc xử sự cơ bản có hiệu lực bao trùm đối với việc xây dựng và thực hiện pháp luật Việt Nam*”¹³. Đây là quy định không rõ ràng, trong khi đó, hướng dẫn lại chung chung không làm rõ “*các nguyên tắc xử sự cơ bản có hiệu lực bao trùm đối với việc xây dựng và thực hiện pháp luật Việt Nam*” là nguyên tắc nào, quy định trong văn bản quy phạm pháp luật nào. Mặc dù trong Nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐTP có đưa ra hai ví dụ cụ thể để hướng dẫn như sau:

“*Ví dụ 1: Các bên đã tự nguyện thỏa thuận về việc giải quyết tranh chấp và thỏa thuận này không trái pháp luật, đạo đức xã hội nhưng Hội đồng trọng tài không ghi nhận sự thỏa thuận đó của các bên trong phán quyết trọng tài. Trong trường hợp này phán quyết trọng tài đã vi phạm nguyên tắc tự do, tự nguyện cam kết trong lĩnh vực thương mại quy định tại Điều 11 Luật Thương mại và Điều 4 Bộ luật Dân sự. Tòa án xem xét, quyết định việc hủy phán quyết trọng tài này vì trái nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam đã được Luật Thương mại và Bộ luật Dân sự quy định.*”

*Ví dụ 2: Một bên tranh chấp cung cấp chứng cứ chứng minh phán quyết trọng tài được lập có sự cưỡng ép, lừa dối, đe dọa hoặc hối lộ. Trong trường hợp này, phán quyết trọng tài đã vi phạm nguyên tắc “trọng tài viên phải độc lập, khách quan, vô tư” quy định tại khoản 2 Điều 4 Luật TTTM*¹⁴”.

Theo hướng dẫn này thì các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam có thể được quy định ở nhiều văn bản luật khác nhau, do đó làm mở rộng phạm vi có thể hủy phán quyết trọng tài theo căn cứ này. Từ khi Luật TTTM năm 2010 có hiệu lực đến nay, mặc dù không có số liệu thống kê riêng về từng căn cứ hủy phán quyết, nhưng thực tiễn cho thấy một số hội đồng xét yêu cầu hủy phán quyết của tòa án (chủ yếu là tại Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh) đã viện dẫn khá thường xuyên căn cứ hủy phán quyết

trọng tài vì lý do trái với những nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam¹⁵. Điều này gây nên nhiều tranh cãi và dễ bị lạm dụng để vô hiệu hóa kết quả của hoạt động trọng tài.

Hiện nay, với sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ số, nhiều hoạt động trên các lĩnh vực được thực hiện trực tuyến trên không gian mạng, các giao dịch điện tử ngày càng phổ biến và dần chiếm ưu thế, cùng với đó các tranh chấp phát sinh cũng xảy ra ngày càng nhiều. Tuy nhiên, Luật TTTM hiện hành mới chỉ quy định: “*Trường hợp các bên không có thỏa thuận khác hoặc quy tắc tố tụng của Trung tâm trọng tài không có quy định khác, thời gian và địa điểm mở phiên họp do Hội đồng trọng tài quyết định*”¹⁶. Điều này cho thấy, luật vẫn chưa quy định về giải quyết tranh chấp trực tuyến. Như vậy, có thể khẳng định, đến thời điểm hiện tại vẫn chưa có một văn bản quy phạm pháp luật nào được ban hành để tạo cơ sở pháp lý cho việc áp dụng giải quyết tranh chấp bằng trọng tài một cách chính thức ở nước ta. Từ đó cho thấy vấn đề đặt ra là cần phải tiếp tục sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện pháp luật về trọng tài thương mại cho phù hợp với bối cảnh đổi mới quản trị quốc gia và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng của đất nước.

2. Những yêu cầu đặt ra đối với việc hoàn thiện pháp luật trọng tài Việt Nam trong bối cảnh đổi mới quản trị quốc gia

Quá trình Đổi mới ở Việt Nam từ năm 1986 đến nay, đặc biệt là quá trình cải cách bộ máy nhà nước và cải cách hành chính ở nước ta cho thấy việc đổi mới quản trị quốc gia đã từng bước được thực hiện thông qua hoạt động cải cách, xây dựng bộ máy hành chính tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả. Những điều này

¹³ Điểm đ khoản 2 Điều 14 Nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐTP.

¹⁴ Điểm đ khoản 2 Điều 14 Nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐTP.

¹⁵ Ví dụ: Quyết định số 08/2019/QĐ-PQTT ngày 25/7/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội hủy phán quyết của Trung tâm Trọng tài quốc tế Việt Nam (VIAC) vì lý do trái với nguyên tắc bình đẳng được quy định tại khoản 1 Điều 3 Bộ luật Dân sự năm 2015. Quyết định số: 537/2023/QĐ-PQTT ngày 19/04/2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh hủy phán quyết Trọng tài vụ tranh chấp số 66/22 HCM của Hội đồng Trọng tài thuộc VIAC lập ngày 15/11/2022, vì lý do trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự được quy định tại khoản 2 Điều 3, khoản 1 Điều 401 Bộ luật Dân sự năm 2015.

¹⁶ Khoản 1 Điều 54 Luật TTTM năm 2010.

có được từ đường lối chính trị đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam về đổi mới, xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân.

Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng là lần đầu tiên trong văn kiện Đại hội ghi nhận và sử dụng thuật ngữ “*quản trị quốc gia*”, cụ thể là trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030, Đảng ta nhấn mạnh đột phá chiến lược: “*Đổi mới quản trị quốc gia theo hướng hiện đại, nhất là quản lý phát triển và quản lý xã hội. Xây dựng bộ máy Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa tinh gọn, hiệu lực và hiệu quả; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền bảo đảm quản lý thống nhất, phát huy tính chủ động, sáng tạo và trách nhiệm của các cấp, các ngành*”¹⁷. Thực hiện tốt chức năng của Nhà nước, giải quyết tốt mối quan hệ giữa Nhà nước, thị trường và xã hội; Nhà nước quản lý, điều hành nền kinh tế bằng pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và các công cụ điều tiết khác trên cơ sở các quy luật của thị trường; chú trọng phát triển xã hội, quản lý và sử dụng có hiệu quả tài sản quốc gia... đã nêu khái quát những nội hàm của đổi mới quản trị quốc gia.

Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam cũng đã chỉ rõ các nhiệm vụ trọng tâm nhằm đưa đất nước ta bước vào giai đoạn phát triển mới, tạo tiền đề cho các nhiệm kỳ tiếp theo thực hiện thắng lợi với mục tiêu phát triển đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, trong đó xác định: “*Đẩy mạnh việc hoàn thiện, xây dựng hệ thống pháp luật thống nhất, đồng bộ, hiện đại, khả thi, công khai, minh bạch, ổn định, dễ tiếp cận, có sức cạnh tranh quốc tế, bảo đảm quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, bảo đảm yêu cầu phát triển bền vững kinh tế, xã hội và quốc phòng, an ninh trong điều kiện mới*”¹⁸.

Nhằm tạo điều kiện cần thiết để đất nước

bước sang một giai đoạn phát triển mới thì việc Đảng ta chủ trương đổi mới quản trị quốc gia là phù hợp với yêu cầu khách quan của thực tiễn. Theo đó, “*đổi mới quản trị quốc gia theo hướng hiện đại, hiệu quả*” là một nhiệm vụ cấp thiết hiện nay. Đổi mới quản trị quốc gia đòi hỏi sự tham gia của tất cả các chủ thể trong xã hội, đó là sự lãnh đạo của Đảng, vai trò của Nhà nước và sự tham gia ủng hộ của nhân dân, của toàn xã hội. Mà sự tham gia của người dân và các chủ thể khác trong xã hội được xem là một yếu tố cốt lõi của quản trị nhà nước tốt. Quản trị nhà nước tốt đòi hỏi phải có sự tham gia của người dân một cách trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua các cơ quan đại diện hoặc các thiết chế trung gian hợp pháp.

Quá trình cải cách bộ máy nhà nước từ đổi mới đến nay và đổi mới quản trị quốc gia hiện nay, Nhà nước sẽ thu gọn, giảm dần vai trò của mình trong một số lĩnh vực, hoạt động mà người dân, các tổ chức ngoài nhà nước có thể đảm nhận được và đảm nhận tốt như: Hoạt động công chứng; các lĩnh vực giáo dục, y tế, thậm chí cả một số hoạt động mà trước đây vốn chỉ thuộc về Nhà nước, mang tính quyền lực nhà nước như xét xử, giải quyết các tranh chấp. Trong khi đó, trọng tài là một thiết chế có lịch sử hình thành lâu đời trên thế giới có thể chia sẻ, giúp Nhà nước giải quyết các tranh chấp phát sinh trong lĩnh vực kinh tế, dân sự, để các thiết chế Nhà nước tập trung giải quyết các vụ việc có tính chất hình sự cũng như nhiệm vụ quản trị quốc gia. Trọng tài với những ưu thế của mình có thể đảm nhận tốt việc giải quyết các tranh chấp kinh tế, dân sự giúp giảm áp lực cho các cơ quan nhà nước.

Hiện nay, nước ta đã ký kết và gia nhập nhiều Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới như: CPTPP, EVFTA, EVIPA, RCEP... mà các hiệp định này, thường quy định về cơ chế giải quyết tranh chấp bằng trọng tài theo Quy tắc của UNCITRAL, Công ước về giải quyết tranh chấp đầu tư giữa các quốc gia và công dân quốc gia khác (ICSID)¹⁹... Cuộc

¹⁷ Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Tập 1, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tr.220.

¹⁸ Đảng Cộng sản Việt Nam, tldđ, tr.51.

¹⁹ Trọng tài ICSID bao gồm cả thiết chế trọng tài, các

Cách mạng công nghiệp 4.0 đã thúc đẩy kinh tế số với nền tảng là hoạt động thương mại điện tử phát triển mạnh mẽ trên phạm vi toàn cầu, do đó, hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam là nhiệm vụ quan trọng và yêu cầu tất yếu.

Từ những lý do trên, việc phát triển và hoàn thiện pháp luật Việt Nam là yêu cầu tất yếu, khách quan trong quá trình đổi mới quản trị quốc gia vì sự phát triển kinh tế của đất nước và hội nhập quốc tế. Đối với pháp luật trọng tài, bối cảnh mới của đất nước, sự phát triển, hội nhập quốc tế và quá trình đổi mới quản trị quốc gia đặt ra các yêu cầu cần bàn sau:

Thứ nhất, pháp luật trọng tài thương mại Việt Nam phải có sự tương thích cao với pháp luật quốc tế nói chung và pháp luật quốc tế về trọng tài nói riêng.

Thứ hai, pháp luật trọng tài thương mại Việt Nam trong mối tương quan với pháp luật trọng tài của các nước trong khu vực và trên thế giới cần đạt trình độ tương đương về trình độ, kỹ thuật lập pháp cũng như nội dung của các quy phạm pháp luật trọng tài.

Thứ ba, pháp luật trọng tài thương mại nói riêng và hệ thống pháp luật có liên quan đến trọng tài cần tạo điều kiện, môi trường pháp lý thuận lợi để tăng sức cạnh tranh quốc tế, để trọng tài Việt Nam trở thành địa chỉ tin cậy cho doanh nghiệp Việt Nam và các đối tác nước ngoài lựa chọn là nơi hòa giải, giải quyết các tranh chấp phát sinh trong quá trình hội nhập quốc tế, toàn cầu hóa.

3. Một số khuyến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật trọng tài Việt Nam trong bối cảnh đổi mới quản trị quốc gia

Từ thực trạng pháp luật trọng tài hiện hành, để đáp ứng được những yêu cầu nêu trên, tác giả đề xuất một số khuyến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật TTTM, theo đó cần sửa đổi, bổ sung một số quy định của Luật TTTM năm 2010 theo hướng sau:

Một là, về thẩm quyền của trọng tài, cần sửa đổi, bổ sung quy định trọng tài

dịch vụ trọng tài liên quan và thủ tục tố tụng trọng tài.

không chỉ có thẩm quyền giải quyết tranh chấp chủ yếu trong hoạt động thương mại mà còn có thẩm quyền giải quyết các tranh chấp dân sự; tranh chấp bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; tranh chấp về sở hữu trí tuệ (đảm bảo phù hợp với các quy định của Bộ luật Dân sự; Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; Luật Sở hữu trí tuệ); tranh chấp hợp đồng xây dựng; tranh chấp thương mại điện tử và các tranh chấp khác mà các bên lựa chọn trọng tài là phương thức giải quyết. Cụ thể, sửa đổi quy định tại Điều 2 Luật TTTM năm 2010 như sau: *“Trọng tài có thẩm quyền đối với các tranh chấp phát sinh giữa các bên có thỏa thuận lựa chọn trọng tài là phương thức giải quyết”*. Đồng thời, từ quy định về thẩm quyền của trọng tài nên nghiên cứu đổi tên “Luật Trọng tài thương mại” thành “Luật Trọng tài” để đảm bảo sự thống nhất với thẩm quyền mở rộng.

Hai là, về điều kiện hủy phán quyết trọng tài, cần sửa đổi, cụ thể hóa rõ ràng hơn và hạn chế các quy định về điều kiện hủy phán quyết trọng tài, đặc biệt là làm rõ phạm vi *“các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam”*. Theo đó, cần bổ sung quy định tại điểm d khoản 2 Điều 68 Luật TTTM năm 2010 như sau: *“Phán quyết trọng tài trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam được quy định trong Hiến pháp và Bộ luật Dân sự”*. Đồng thời bỏ quy định *“Chứng cứ do các bên cung cấp mà Hội đồng trọng tài căn cứ vào đó để ra phán quyết là giả mạo”* tại điểm d khoản 2 Điều 68 nhằm tương thích với quy định tại khoản 2 Điều 34 Luật Mẫu UNCITRAL.

Ba là, bổ sung thêm các quy định liên quan đến hoạt động giải quyết trực tuyến của Trọng tài đối với các tranh chấp thương mại nói chung và tranh chấp thương mại điện tử nói riêng nhằm rút ngắn thời gian giải quyết, giảm thiểu chi phí và bảo vệ tốt hơn quyền lợi của các bên tranh chấp, giúp củng cố và xây dựng môi trường kinh doanh thương mại điện tử lành mạnh và phát triển. Cụ thể, bổ sung thêm 01 khoản tại Điều 3 Luật TTTM năm 2010 giải thích từ ngữ về “giải quyết tranh chấp trực tuyến” và “địa điểm giải quyết tranh chấp trực tuyến” như sau:

“Giải quyết tranh chấp trực tuyến là hình thức giải quyết tranh chấp thông qua môi trường không gian mạng. Tất cả các bước trong quy trình giải quyết tranh chấp của Hội đồng trọng tài trực tuyến được thực hiện dựa trên công nghệ thông tin truyền thông.

Địa điểm giải quyết tranh chấp trực tuyến là nơi Trung tâm trọng tài được chọn để giải quyết tranh chấp theo sự thỏa thuận lựa chọn của các bên hoặc do Hội đồng trọng tài quyết định nếu các bên không có thỏa thuận”.

Đồng thời, bổ sung quy định tại Chương VIII về phiên họp giải quyết tranh chấp theo hướng bổ sung thêm 01 khoản về hình thức tổ chức phiên họp giải quyết tranh chấp tại Điều 54 như sau:

“1. Phiên họp giải quyết tranh chấp được tổ chức bằng hình thức trực tiếp hoặc hình thức trực tuyến.

2. Trường hợp các bên không có thỏa thuận khác hoặc quy tắc tố tụng của Trung tâm trọng tài không có quy định khác, hình thức, thời gian và địa điểm mở phiên họp do Hội đồng trọng tài quyết định...”.

Cùng với đó, cần hoàn thiện hệ thống pháp luật tố tụng và các văn bản luật có liên quan tạo cơ sở pháp lý cho phương thức giải quyết tranh chấp trực tuyến của trọng tài, nhất là các vấn đề liên quan đến chứng cứ điện tử, định danh điện tử... là yêu cầu tiên quyết. Để thực hiện được điều này thì các tổ chức trọng tài cần đầu tư hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin, thiết bị, kỹ thuật để số hóa các hoạt động của mình, tạo điều kiện thuận lợi cho giải quyết tranh chấp bằng phương thức giải quyết tranh chấp trực tuyến.

4. Kết luận

Quá trình đổi mới quản trị quốc gia ở Việt Nam đang tác động mạnh mẽ đến mọi hoạt động của quốc gia, đó là yêu cầu khách quan của sự phát triển đất nước. Việc hoàn thiện pháp luật trọng tài với thẩm quyền mở rộng và bổ sung hình thức giải quyết tranh chấp trực tuyến là phù hợp với thông lệ quốc tế và nhu cầu thực tiễn. Quy định này sẽ làm tăng số lượng vụ việc tranh chấp được giải

quyết bằng trọng tài, nhờ đó giảm tải được hoạt động giải quyết tranh chấp ở hệ thống Tòa án, phù hợp với mục tiêu của đổi mới quản trị quốc gia, thúc đẩy sự tham gia của các tổ chức vào các lĩnh vực mà Nhà nước không nhất thiết phải tham gia. Sự ủng hộ của Nhà nước đối với trọng tài góp phần làm tăng sức cạnh tranh của trọng tài Việt Nam, tạo điều kiện thuận lợi cho trọng tài phát triển, đóng góp vào sự phát triển của đất nước./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nigel Blackaby, Constantine Partasides QC & Alan Redfern, Martin Hunter, *Trọng tài quốc tế (ấn bản lần thứ sáu)*, Nxb. Thanh niên, 2015;
2. Đỗ Văn Đại, Trần Hoàng Hải, *Pháp luật Việt Nam về trọng tài thương mại*, Nxb. Chính trị quốc gia, 2011;
3. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu Toàn quốc lần thứ XIII, Tập 1*, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021;
4. Vũ Công Giao (2020), *Về vấn đề quản trị quốc gia tốt và việc ghi nhận trong Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XIII*, http://www.issi.gov.vn/van-de-quan-tri-quoc-gia-tot-va-viec-ghi-nhan-trong-van-kien-dai-hoi-dang-lan-thu-xiii_t104c2797n3229tn.aspx;
5. Dương Quỳnh Hoa, “Luật Trọng tài thương mại 2010: Những bất cập và kiến nghị hoàn thiện”, *Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp*, số 20/2018;
6. Luật Trọng tài thương mại năm 2010;
7. Hội luật gia Việt Nam (2022), *Dự thảo Báo cáo rà soát Luật Trọng tài thương mại*, <https://btp.moj.gov.vn/qt/Pages/trong-tai-tm.aspx>;
8. Luật Mẫu về Trọng tài thương mại quốc tế - Luật Mẫu UNCITRAL được thông qua bởi Ủy ban của Liên hợp quốc về Luật Thương mại quốc tế, ban hành năm 1985 (sửa đổi năm 2006);
9. Trần Minh Ngọc, *Pháp luật về trọng tài thương mại*, Nxb. Lao Động, Hà Nội, 2019;
10. Nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐTP ngày 20/3/2014 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định Luật Trọng tài thương mại;
11. Pháp lệnh của Ủy ban Thường vụ Quốc hội số 08/2003/PL-UBTVQH11 ngày 25/02/2003 về trọng tài thương mại.